

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 418/2022/HS-ST

Ngày: 09/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Thẩm phán: Ông Trần Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Nam.

2. Ông Trần Huỳnh .

3. Ông Nguyễn Đình Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm -Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Biên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/9/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 516/TLST-HS ngày 14/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4490/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Minh P; giới tính: Nam, sinh năm 1988 tại tỉnh B; Nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh B; Chỗ ở tại số A đường số H, phường B, Q, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Riếp Thị M; Vợ là Võ Thị Kim H và có 03 người con, đứa lớn nhất sinh năm 2014, đứa nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 27/10/2021 cho đến nay; Có mặt.

2. Trương Văn B; Giới tính: Nam, sinh năm 1997 tại tỉnh L.; Nơi cư trú, đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh L; Chỗ ở tại số B đường L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: LóB1/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Trương Văn T và bà Trần Thị N1; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 26/10/2021 cho đến nay; có mặt.

3. Riếp Thị T1. Giới tính: Nữ; sinh năm 1978 tại tỉnh B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh B; Chỗ ở tại số: số h đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Riếp Văn H1 và bà Phạm Thị N3; C1 là Nguyễn Văn V và có 01 con sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 27/10/2021 đến nay, có mặt.

Người bào chữa:

1. Ông Nguyễn Trung T2 là Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Trương Văn B theo chỉ định, có mặt.

2. Ông Trịnh Bá T3 là Luật sư của Văn phòng luật sư Trịnh Bá T3, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh P theo chỉ định, có mặt.

3. Ông Trịnh Bá T3 là Luật sư của Văn phòng luật sư Trịnh Bá T3, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Riếp Thị T1 theo chỉ định, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/10/2021, tại trước nhà số D đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, tổ công tác gồm: Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an quận B phối hợp với Công an phường B, quận B phát hiện, bắt quả tang Trương Văn B đang điều khiển xe gắn máy biển số 62G1-397.45 chở theo bạn gái là Nguyễn Thị Lan C2 có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra thu giữ trong cốp xe 62G1-397.45 có 01 gói nylon màu đỏ, đựng 01 gói nylon in chữ “Hello Kitty”, bên trong có: 01 hộp giấy đựng 03 gói nylon, bên trong chứa 270 viên nén màu nâu (Mỗi gói chứa 90 viên). Theo Kết luận giám định số 5836/KLGD-H ngày 02/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thì chất ma túy mà Công an quận B thu giữ của bị cáo Trương Văn B là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 118,26 gam, loại MDMA và 148,26 gam, loại Ketamine.

Lúc 17 giờ 10 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của B tại số B L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thu giữ vật chứng có liên quan đến vụ án. B khai nhận đây là ma túy của B vừa mua của Nguyễn Minh P và Riếp Thị T1 để bán lại kiếm lời, nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt giữ.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và từ lời khai của B, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận B tiến hành mời Nguyễn Minh P và Riếp Thị T1

đến làm việc. Kết quả làm việc, P và T1 đã khai nhận đã bán số ma túy nêu trên cho B như đã nêu trên.

Lúc 18 giờ 15 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận B tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Riếp Thị T1 tại nhà số B Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đã phát hiện và thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 hộp giấy in chữ “Linh Hương”, bên trong có 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu xanh. Theo Kết luận giám định số 5836/KLGD-H ngày 02/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận là ma túy thể rắn, có tổng khối lượng là 1,0124 gam, loại MDMA.

+02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng. Theo Kết luận giám định số 5836/KLGD-H ngày 02/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận là ma túy thể rắn, có tổng khối lượng là 0,8851 gam, loại Ketamine.

+ 01 gói nylon chứa tinh thể không màu. Theo Kết luận giám định số 5836/KLGD-H ngày 02/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận là ma túy thể rắn, có khối lượng là 3,0241 gam, loại Ketamine.

+ 01 cân điện tử và 01 điện thoại di động.

Tiếp đó, lúc 19 giờ 00 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận B tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của P tại nhà số A đường số H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thu giữ được vật chứng có liên quan đến vụ án.

Ngày 27/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B đã tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Minh P và Riếp Thị T1 để điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra, hồ sơ thể hiện:

Trương Văn B khai nhận: B và Nguyễn Minh P quen biết nhau khi làm việc chung tại quán bar P3, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 26/10/2021, một người bạn tên L (không rõ lai lịch) điện thoại cho B đặt mua 270 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) và 150 gam ma túy loại Ketamine nên B đặt mua của P 270 viên thuốc lắc (có khối lượng 118,26 gam) giá 40.000.000 đồng, 02 gói ma túy loại Ketamine (có khối lượng 148,26 gam) giá 30.000.000 đồng, B thỏa thuận sẽ trả tiền cho P sau khi bán hết số ma túy nêu trên thì P đồng ý. P kêu B đến nhà của Riếp Thị T1 tại số B Đ, phường T, quận T lấy trước 02 gói ma túy loại Ketamine rồi đến nhà P tại số 18/3 đường số H, phường B, quận B

lấy tiếp 270 viên thuốc lắc. B bỏ tất cả số ma túy trên vào cốp xe mô tô biển số 62G1-397.45 rồi điều khiển xe chở Nguyễn Thị Lan C2 là bạn gái của B cùng đến khu vực đường T, quận B bán ma túy cho L, với giá 72.000.000 đồng, nhưng chưa kịp bán thì bị cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang như đã nêu ở trên. Đây là lần đầu tiên B mua ma túy của P đến bán lại cho khách, việc B cất giấu ma túy trong cốp xe 62G1-397.45 và giao dịch mua bán ma túy với P và T1 thì C2 hoàn toàn không biết.

Nguyễn Minh P khai nhận đã bán cho B số ma túy nêu phù hợp với lời khai của B. Nguồn ma túy là P mua của một người bạn tên V1 (không rõ lai lịch) được hai lần, cụ thể:

-Lần thứ 1: ngày 20/10/2021, P đặt mua của V1 05 gói ma túy loại Ketamine (gồm 02 gói lớn và 03 gói nhỏ) và 02 viên ma túy tổng hợp để về sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời. Đến ngày 24/10/2021, P đem số ma túy này cùng 01 cân diên từ đến nhà của Riếp Thị T1 để nhờ T1 cất giấu và bán lại cho người mua theo sự chỉ đạo của P, P hứa sẽ trả công cho T1 1.000.000 đồng/01 lần khi mua bán ma túy thành công thì T1 đồng ý. Ngày 26/10/2021, khi B liên hệ mua ma túy thì P kêu T1 giao 02 gói ma túy loại Ketamine có khối lượng 148,26 gam giao cho B, số ma túy còn lại T1 tiếp tục cất giấu để bán thì bị khám xét thu giữ. P chưa trả tiền công cho T1.

-Lần thứ 2: Ngày 26/10/2021, P đặt mua của V1 270 viên ma túy tổng hợp để bán lại cho B thì B bị bắt quả tang như đã nêu trên, việc giao dịch này T1 hoàn toàn không biết.

Lời khai của Riếp Thị T1 phù hợp với lời khai của B và P về việc T1 đã phụ giúp P cất giấu và mua bán ma túy như đã nêu trên.

*Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Thu giữ của Trương Văn B:

+ 01 gói niêm phong vụ số 1294/21 Bình Tân (gói 1) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Lê Thị H2 và Điều tra viên Đặng Công T4, bên trong là mẫu còn lại sau giám định.

+01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng và 01 điện thoại di động Nokia màu đen, bị can B sử dụng để liên lạc cá nhân và thực hiện tội phạm.

+ 01 bịch nylon màu đỏ, 01 bịch nylon có chữ “Hello Kitty”, 01 bịch nylon có chữ “Pharmacy”, 01 hộp giấy. Tất cả dùng để cất giấu và mua bán ma túy.

+ 01 xe gắn máy biển số 62G1-397.45, số khung: RLHKF4207LY007173, số máy: KF42E-0011390 do anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1995 trú tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh L (anh rể B) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 26/10/2021, anh T5 cho B mượn xe để chở bạn gái là Nguyễn Thị Lan C2 đi chơi và không biết B sử dụng xe để thực hiện tội phạm. Lời khai của anh T5 phù hợp với lời khai của bị can B nên ngày 18/4/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe trên cho anh T5 quản lý, sử dụng.

+ Số tiền Việt Nam 2.000.000 đồng là tiền cá nhân B, không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Quận 10 để chờ xử lý theo quy định

- Thu giữ của Nguyễn Minh P:

+ Số tiền 5.000.000 đồng là tiền của cá nhân P không liên quan đến vụ án.

+02 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen của P sử dụng để liên lạc cá nhân và thực hiện tội phạm.

- Thu giữ của Riếp Thị T1, gồm:

+ 01 gói niêm phong ghi số 1294/21 Bình Tân (gói 2) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Lê Thị H2 và Đ tra viên Đặng Công T4, bên trong là mẫu còn lại sau giám định.

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh dùng để liên lạc cá nhân và thực hiện tội phạm.

+ 01 hộp giấy và 01 cân điện tử dùng để cất giấu và phân chia ma túy

Tại bản cáo trạng số 314/Ctr-VKSTPHCM-B ngày 14/6/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Minh P và Trương Văn B về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h, khoản 4, Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố Riếp Thị T1 về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h, khoản 3, Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát mô tả. Như vậy bị cáo Nguyễn Minh P phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán 271,4416gam chất ma túy, bị cáo Trương Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán 266,52gam chất ma túy

và bị cáo Riếp Thị T1 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán 153,1816gam chất ma túy, loại MDMA và Ketamine. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Minh P và bị cáo Trương Văn B về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h, khoản 4; truy tố bị cáo Riếp Thị T1 theo điểm h, khoản 3, Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về hình phạt: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tòa xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P và bị cáo Trương Văn B cùng mức án là 20 năm tù và phạt bổ sung mỗi bị cáo 20.000.000 đồng; đề nghị xử phạt bị cáo Riếp Thị T1 từ 15 đến 16 năm tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tòa xử lý theo qui định của pháp luật.

Luận cứ của Luật sư Trịnh Bá T3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh P thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Luật sư đề nghị tòa xem xét các yếu tố sau để xử phạt bị cáo mức án thấp hơn so với mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Các yếu tố mà Luật sư đề nghị xem xét là:

- Bị cáo mua ma túy vừa để sử dụng vừa để bán, do đó khối lượng ma túy dùng để bán ít hơn khối lượng ma túy mà Cơ quan điều tra thu giữ.

- Bị cáo chỉ mua bán 01 lần, chứ không phải nhiều lần, vì các lần trước không bắt được chỉ có bị cáo khai.

- Bị cáo thành khẩn khai báo, hợp tác tích cực với Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Do yếu tố khách quan dịch bệnh; Gia đình bị cáo tham gia cách mạng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Luận cứ của Luật sư Trịnh Bá T3 bào chữa cho bị cáo Riếp Thị T1 không thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo T1. Theo Luật sư thì bị cáo chỉ biết thứ mà bị cáo P gởi cho bị cáo cất giữ là chất ma túy, nhưng không biết bị cáo P sử dụng vào mục đích gì. Do đó hành vi của bị cáo Trang phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hoàn cảnh của bị cáo T1 neo đơn, chồng đã bỏ đi một mình nuôi con, bị cáo mới phạm tội lần đầu. Luật sư đề nghị tòa áp dụng điểm h khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo T1.

Luận cứ của Luật sư Nguyễn Trung T2 bào chữa cho bị cáo Trương Văn B thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo B, nhưng về hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tòa áp dụng là quá cao. Theo Luật sư thì

hậu quả của vụ án do bị cáo B thực hiện chưa xảy ra, bị cáo chưa thu lợi bất chính và gia đình của bị cáo khó khăn. Luật sư đề nghị tòa xử phạt bị cáo B mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với Luật sư như sau:

-Đối với Luật sư bào chữa cho bị cáo B: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tòa xem xét, vì không khác với quan điểm của Viện kiểm sát, luật sư chỉ yêu cầu tòa giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B.

-Đối với Luật sư bào chữa cho bị cáo P: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng toàn bộ khối lượng ma túy thu giữ trong vụ án đều là của bị cáo P. Khi khám xét nhà của bị cáo P thì không có thu giữ ma túy, do đó Luật sư cho rằng trong khối lượng ma túy thu giữ có một phần mà bị cáo P dùng để sử dụng là không phù hợp với các chứng cứ khách quan của vụ án.

- Đối với Luật sư bào chữa cho bị cáo T1: Lời khai của bị cáo P và bị cáo T1 tại Cơ quan điều tra phù hợp với nhau là bị cáo T1 biết bị cáo P mua bán ma túy; tại phiên tòa bị cáo P cũng xác định khi gởi ma túy cho bị cáo T1 cất giữ thì bị cáo có nói cho T1 biết là khi nào bán được sẽ cho T1 1.000.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, với vai trò giúp sức cho bị cáo P là có căn cứ, đúng tội.

Đại diện Viện kiểm sát và các Luật sư bảo lưu ý kiến đã tranh luận và không tranh luận nội dung nào khác.

Các bị cáo thống nhất toàn bộ luận cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho mình, không trình bày lời bào chữa bổ sung và không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng và những chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được, nên có đủ căn cứ để xác định:

-118,26 gam chất ma túy, loại MDMA và 148,26 gam chất ma túy, loại

Ketamine mà Công an quận B thu giữ trong cốp xe 62G1-397.45 của bị cáo Trương Văn B vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/10/2021, tại trước nhà số D T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là của Trương Văn B mua của bị cáo Nguyễn Minh P. Trong đó bị cáo Nguyễn Minh P trực tiếp giao 118,26 gam, loại MDMA, còn bị cáo Riếp Thị T1 trực tiếp giao 148,26 gam, loại Ketamine và mục đích của bị cáo B mua các loại ma túy là để bán lại cho người khác.

- 1,0124 gam chất ma túy, loại MDMA và là 3,9092 gam chất ma túy, loại Ketamine mà Công an quận B thu giữ vào lúc 18 giờ 15 phút ngày 26/10/2021, khi tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Riếp Thị T1 tại nhà số B Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là của Nguyễn Minh P nhờ Riếp Thị T1 cất giữ, để khi có người mua thì bán.

[3] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Minh P và bị cáo Trương Văn B đều là những người có khả năng nhận thức được hành vi mua bán chất ma túy là xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất gây nghiện, nhưng vì động cơ tự lợi nên các bị cáo vẫn thực hiện. Khối lượng chất ma túy mà bị cáo Trương Văn B mua bán là 118,26 gam, loại MDMA và 148,26 gam, loại Ketamine; Khối lượng chất ma túy mà bị cáo Nguyễn Minh P mua bán là 119,2724 gam, loại MDMA và 152,2724 gam, loại Ketamine. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Minh P và bị cáo Trương Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm h, khoản 4, Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Căn cứ lời khai của các bị cáo, căn cứ vật chứng thu giữ và các chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Khối lượng chất ma túy mà bị cáo Riếp Thị T1 cất giữ cho bị cáo Nguyễn Minh P là 1,0124 gam, loại MDMA và 152,2724 gam, loại Ketamine; trước khi cất giữ số ma túy cho bị cáo P thì hai bị cáo đã thỏa thuận là khi nào bán được thì bị cáo P sẽ cho bị cáo T1 1.000.000 đồng và ngày 26/10/2021 bị cáo T1 đã trực tiếp giao ma túy cho người mua là bị cáo B, sau khi nhận cuộc gọi của bị cáo P. Như vậy, bị cáo T1 đã có hành vi giúp sức cho bị cáo P thực hiện hành vi mua bán ma túy, do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo qui định tại điểm h, khoản 3, Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng tội.

[5] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Minh P và bị cáo Trương Văn B trong vụ án này là đặc biệt nghiêm trọng. Bởi, khối lượng ma túy mà hai bị cáo này mua bán là tương đối lớn, nếu cơ quan chức năng không phát hiện, thu giữ kịp thời thì khối lượng ma túy trên sẽ đến tay người sử dụng và lúc đó xã hội phải gánh chịu những hậu quả nghiêm trọng, khó lường, do người sử dụng trái phép chất ma túy gây ra. Với tính chất, mức độ phạm tội như vậy, đáng lẽ phải áp dụng loại hình phạt không thời hạn đối với các bị cáo nhằm để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm trên lĩnh vực này. Song xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo P và bị cáo B đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hai

bị cáo tuổi đời còn trẻ, đều mới phạm tội lần đầu là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn, tạo điều kiện cho hai bị cáo tích cực học tập, rèn luyện sớm trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Bị cáo Riếp Thị T1 là người giữ chất ma túy cho bị cáo Nguyễn Minh P, để được bị cáo P cho tiền sau mỗi lần bán được. Tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo T1 cũng đặt biệt nghiêm trọng, song bị cáo chỉ là người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Minh P. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu, do bị cáo P lôi kéo; lợi ích mà bị cáo được hưởng do bị cáo P mang lại không nhiều và chưa được hưởng lợi, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Với vai trò của bị cáo trong vụ án và những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng như đã nhận định, nên hình phạt áp dụng cho bị cáo như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Xét về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 còn qui định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề ...”, nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có chức vụ nên áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[8] Nhận định trên cũng là lập luận của Hội đồng xét xử để chấp nhận toàn bộ ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và một phần luận cứ bào chữa của Luật sư.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Trương Văn B những tài sản và đồ vật sau:

- 01 gói niêm phong, vụ số 1294/21 B (gói 1), bên ngoài có chữ ký của giám định viên Lê Thị H2 và Điều tra viên Đặng Công T4, bên trong là mẫu còn lại sau giám định; 01 bịch nylon màu đỏ, 01 bịch nylon có chữ “Hello Kitty”, 01 bịch nylon có chữ “Pharmacy” và 01 hộp giấy mà bị cáo dùng để cất giấu và mua bán ma túy. Đây là vật có liên quan đến hành vi phạm tội và là vật cấm lưu hành, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu tiêu hủy.

-01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng và 01 điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ của bị cáo B. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo B khai nhận đã sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc mua bán ma túy. Do đó căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

-Số tiền Việt Nam 2.000.000 (Hai triệu) đồng là tiền cá nhân của bị cáo B, không liên quan đến vụ án. Do đó căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên trả lại cho bị cáo B, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh P những tài sản và đồ vật sau:

- Số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng là tiền của cá nhân của bị cáo P, nó không liên quan đến vụ án. Do đó tuyên trả lại số tiền trên cho bị cáo P, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

-02 chiếc điện thoại di động hiện còn giá trị. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo P khai nhận đã sử dụng các điện thoại này để thực hiện tội phạm, nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Thu giữ của Riếp Thị T1 những tài sản và đồ vật sau:

- 01 gói niêm phong ghi số 1294/21 B (gói 2), bên ngoài có chữ ký của giám định viên Lê Thị H2 và Đ tra viên Đặng Công T4, bên trong là mẫu còn lại sau giám định và 01 hộp giấy. Đây là những đồ vật có liên quan đến hành vi phạm tội và là vật cấm lưu hành nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T1 khai nhận đã dùng chiếc điện thoại trên để thực hiện tội phạm; 01 cân điện tử dùng để phân chia ma túy. Các đồ vật này còn giá trị nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h, khoản 4, Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

1.Xử phạt **Nguyễn Minh P** 20 (Hai mươi) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 27/10/2021).

Phạt bổ sung Nguyễn Minh P 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Xử phạt **Trương Văn B** 20 (Hai mươi) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 26/10/2021).

Phạt bổ sung Trương Văn phước 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm h, khoản 3, Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Xử phạt **Riếp Thị T1** 15 (Mười lăm) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 27/10/2021).

Phạt bổ sung Riếp Thị T1 5.000.000 (Năm triệu) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng của vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 gói niêm phong vụ số 1294/21 Bình Tân (gói 1) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Lê Thị H2 và Điều tra viên Đặng Công T4, bên trong là mẫu còn lại sau giám định.

- 01 bịch nylon màu đỏ; 01 bịch nylon có chữ “Hello Kitty”, 01 bịch nylon có chữ “Pharmacy”, 02 hộp giấy.

- 01 gói niêm phong ghi số 1294/21 B (gói 2) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Lê Thị H2 và Điều tra viên Đặng Công T4, bên trong là mẫu còn lại sau giám định.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng sau:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng.

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen.

- 02 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh.

- 01 cân điện tử.

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/467 ngày 01/7/2022 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC04 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên trả lại cho bị cáo Trương Văn B 2.000.000 (Hai triệu) đồng và trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh P 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Số tiền trên hiện Kho bạc nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ, theo Giấy nộp tiền ngày 10/12/2021, vào tài khoản ghi có: 3949.0.9059775.00000.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, để sung vào ngân sách nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Đương sự; (0)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu